

Bản án số: 84/2020/HS-PT

Ngày: 08-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Giang

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thu Trang.

Ông Phạm Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Khúc Tân Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 7 và 8 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 37/2020/TLPT-HS ngày 11 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2020/HS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1990 tại Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp T1, xã T2, Huyện T3, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Đặng Thu T, sinh năm 1965; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị bắt tạm giam từ ngày 12/10/2019 đến ngày 09/12/2019 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Văn T – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Bảo Minh Lý, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Bị hại: Bà Đặng Thị V, sinh năm 1962. Địa chỉ: A14/3C, hẻm 69, ấp Hiệp Trường, xã Hiệp Tân, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; Cư trú tại: Thôn 2, đường 10, Bù Đăng, Bình Phước (văn bản ủy quyền ngày 30-6-2020). (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2013, bị cáo Nguyễn Thị Kim T được mẹ ruột là bà Đặng Thu Tr mở dịch vụ cầm đồ tại ấp T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Tây Ninh cho bị cáo T đứng tên kinh doanh và quản lý. Trong quá trình kinh doanh dịch vụ cầm đồ, bà Đặng Thị V, sinh năm 1962 có đến cầm cố giấy tờ đất để vay tiền của bà Tr nên giữa bị cáo T và bà V quen biết nhau, thường xuyên gặp gỡ, uống cà phê chung với nhau.

Khoảng đầu tháng 10/2017, con ruột của bà V tên Nguyễn Quốc Tr, sinh năm 1981, bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội đánh bạc. Do sợ đi tù nên ông Tr nói với bà V tìm người giúp, để Tr không phải đi tù. Bà V nhớ lại trước đây khi đi uống cà phê có nghe bị cáo T nói giúp được cho người khác bị bắt tội đánh bạc được ra tù sớm nên gọi điện thoại hẹn bị cáo T đến quán cà phê Pé Tuyên thuộc khu phố 1, Phường 4, thành phố Tây Ninh để nhờ giúp đỡ.

Sau đó, bà V, ông Tr và bị cáo T gặp nhau tại quán cà phê Pé Tuyên. Tại đây, bà V nhờ bị cáo T giúp lo cho Tr không phải đi tù. Do đang cần tiền để tiêu xài nên bị cáo T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà V. Bị cáo T nói dối là để nhờ người giúp cho Tr không phải đi tù và thỏa thuận, bà V phải đưa cho bị cáo T số tiền 150.000.000 đồng để lo thì bà V đồng ý. Bà V nhiều lần đưa tiền cho bị cáo T tổng cộng là 156.000.000 đồng, bà V yêu cầu bị cáo T viết giấy mượn tiền để làm tin, cụ thể như sau:

- Ngày 17/9/2017 âm lịch, bà V đưa cho bị cáo T nhiều lần với số tiền 121.000.000 đồng.

- Ngày 12/5/2018, bà V đưa cho bị cáo T nhiều lần với số tiền 35.000.000 đồng.

Sau khi nhận tiền của bà V, bị cáo T không chạy lo cho anh Tr như đã hứa mà sử dụng tiêu xài cá nhân. Sau khi tiêu xài hết tiền, bị cáo T tiếp tục nảy sinh ý định muốn chiếm đoạt tiền của bà V để trả nợ và tiêu xài nên nhiều lần bị cáo T đưa ra nhiều lý do nói dối với bà V để kêu đưa tiền chạy lo cho Tr thì bà V tin tưởng đưa thêm cho T tổng cộng là 196.000.000 đồng, có viết giấy mượn tiền để làm tin, cụ thể như sau:

- Ngày 16/7/2018, bà V đưa cho bị cáo T số tiền 10.000.000 đồng.
- Ngày 29/11/2018 âm lịch, bà V đưa cho bị cáo T số tiền 40.000.000 đồng.
- Ngày 04/12/2018 âm lịch, bà V đưa cho bị cáo T số tiền 18.000.000 đồng;
- Ngày 16/12/2018 âm lịch, bà V đưa cho bị cáo T nhiều lần với số tiền 62.000.000 đồng;
- Ngày 23/01/2019, bà V đưa cho bị cáo T số tiền 30.000.000 đồng;
- Ngày 25/01/2019, bà V đưa cho bị cáo T số tiền 36.000.000 đồng.

Đến tháng 01/2019, Tr bị bắt đi chấp hành án, bà V nhiều lần đòi tiền lại nhưng bị cáo T không trả và tránh né. Đến ngày 06/6/2019, bà V gửi đơn đến Công an huyện Hòa Thành tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo T.

Tại Kết luận giám định số 977 ngày 09/7/2019 và số 978 ngày 15/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: Chữ ký, chữ viết trên 10 giấy mượn tiền với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Kim T trên tài liệu mẫu do cùng một người ký và viết ra. Dấu vân tay trên các giấy mượn tiền đứng tên người mượn Nguyễn Thị Kim T với dấu vân tay ngón trỏ trái, ngón trỏ phải của Nguyễn Thị Kim T là của cùng một người.

Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo T đã nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 350.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bà V.

Về kê biên tài sản: Qua xác minh thể hiện bị cáo T không có tài sản nên không tiến hành kê biên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2020/HS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, đã xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kim T 05 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giam từ 12/10/2019 đến 09/12/2019.

Bản án còn tuyên về bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 18-02-2020, bị cáo T kháng cáo cho rằng bị cáo không phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm; Bị cáo T thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18-02-2020, bị cáo Nguyễn Thị Kim T kháng cáo, ngày 11-6-2020 có đơn xin thay đổi kháng cáo. Qua xem xét đơn kháng cáo và đơn xin thay đổi kháng cáo của bị cáo T là đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 332; Điều 333; Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xét Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2020/HSST ngày 06-02-2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là thị xã Hòa Thành) đã bị kháng cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến ngày 25-01-2019, bị hại Đặng Thị V, bị cáo Nguyễn Thị Kim T và bà Đặng Thu Tr (mẹ ruột bị cáo T) xác lập nhiều quan hệ giao dịch liên quan đến tiền, cụ thể: Giao dịch cầm đồ, thế chấp; giao dịch vay tài sản; giao dịch hui, tất cả các giao dịch đều có giấy tờ thể hiện. Tính đến ngày 25-01-2019, bị cáo T chưa trả cho bị hại V số tiền vay là 100.000.000 đồng; 352.000.000 đồng theo 10 tờ giấy tiền mượn bà V đã tố cáo cho rằng bị cáo T nhận tiền hứa lo chạy án cho Nguyễn Quốc Tr (con bà V) không phải đi tù và 26.000.000 đồng tiền hui. Do đòi nhiều lần bị cáo T không trả nên ngày 02-5-2019 và 06-6-2019, bà V có 02 đơn tố cáo gửi Công an huyện Hòa Thành yêu cầu giải quyết.

[2.2] Theo đơn tố cáo lần 1 đề ngày 02-5-2019, bà V tố cáo bị cáo T lừa đảo chiếm đoạt số tiền 378.000.000 đồng với 11 giấy mượn tiền. Theo đơn tố cáo lần 2 đề ngày 06-6-2019, bà V tố cáo bị cáo T lừa đảo chiếm đoạt số tiền 352.000.000 đồng với 10 tờ giấy mượn tiền. Qua xem xét, đối chiếu thì đơn tố cáo lần 2 số tiền ít hơn, do không có tờ giấy tiền hui ngày 10-9-2018 số tiền 26.000.000 đồng, bà V đã rút lại không yêu cầu xử lý khoản tiền hui này.

[2.3] Đối với khoản tiền vay 100.000.000 đồng, bị cáo T nợ bị hại V đã tự giải quyết xong.

[2.4] Đối với 10 tờ giấy mượn tiền thể hiện từ ngày 17-9-2017 (âm lịch) đến ngày 25-01-2019 theo đơn tố cáo số tiền là 352.000.000 đồng giao dịch trong khoảng thời gian dài (01 năm 04 tháng). Đây là khoản tiền Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án cấp sơ thẩm xác định là tiền bị chiếm đoạt trong vụ án, Hội đồng xét xử, thấy rằng:

Đối với đơn tố cáo ngày 06-6-2019 của bà Đặng Thị V có đề cập đến ông Hồ Dương Liêm. Tại văn bản số 47/YC-VKSHT ngày 03-6-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành đã yêu cầu, kiểm tra xác minh đối với ông Liêm nhưng quá trình thu thập chứng cứ, cơ quan điều tra chưa thực hiện là thiếu sót, vi phạm Điều 88, Điều 159 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Trong suốt quá trình giao dịch tiền bạc với bị cáo T, bà V luôn yêu cầu viết giấy tờ để làm tin, làm chứng cứ chứng minh, cụ thể: Khoản tiền bị cáo T vay 100.000.000 đồng đã được giải quyết xong bằng hình thức cầm trừ từ khoản tiền thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Đặng Thu Tr là mẹ ruột của bị cáo, trình bày do bà V không trả lãi đúng thỏa thuận nên bà Thu Tr đã thực hiện thủ tục đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sau này đã cầm trừ vào số nợ của T với bà V xong. Đây hoàn toàn là giao dịch dân sự, các bên đã tự giải quyết.

[4] Xét về số tiền bị cáo và bà V thỏa thuận để chạy lo cho ông Tr không phải đi tù và 10 tờ giấy mượn tiền là bản chính do bà V cung cấp trong quá trình điều tra là căn cứ khởi tố, truy tố và xét xử sơ thẩm đối với bị cáo. Hội đồng xét

xử, thấy rằng: Bà V là người chủ động đặt vấn đề với bị cáo T về việc chạy lo cho ông Tr không phải đi tù mà trước mắt là hoãn thi hành án. Cả 03 người là bà V, ông Tr và bị cáo T gặp nhau tại quán cà phê Pé Tuyền, thống nhất số tiền chạy lo cho Tr là 150.000.000đồng thể hiện tại bút lục 20, 21, 58 qua lời khai của bà V; bút lục 88 lời khai của ông Nguyễn Quốc Tr; bút lục 22, 23, 24, 46 lời khai của bị cáo T.

[4.1] Đối chiếu 02 giấy mượn tiền ngày 17-9-2017 (AL) và 12-5-2018 thấy rằng: Theo giấy ngày 17-9-2017 (AL) có thể hiện nội dung lo cho anh Tr tờ giấy này gồm 24.000.000đồng + 111.000.000 đồng = 135.000.000đồng, riêng khoản tiền 10.000.000 đồng ghi tại phần góc trái phía dưới tờ giấy này thì giữa bị cáo và bị hại đều xác định là tiền cho T mượn thêm, phù hợp với lời khai của bị hại tại BL16 ngày 15-5-2020 tại thời điểm tố cáo lần 1 bà V khai: *“T có hỏi tôi mượn tiền do hụt vốn buôn bán cần tin nên mượn thêm 10.000.000đồng, tôi đồng ý và T có viết trong giấy mượn tiền ngày 17/9/2017 âm lịch tức là ngày 05/11/2017 dương lịch”*. Do đó, khoản tiền 10.000.000đồng này hoàn toàn không có dấu hiệu hình sự.

[4.2] Theo giấy mượn tiền ngày 12-5-2018, số tiền mượn là 15.000.000đồng. Tại phần góc trái phía dưới tờ giấy có nội dung *“Tiền đưa cho T lo vụ án Nguyễn Quốc Tr”* có chữ ký, chữ viết ghi họ tên Đặng Thị V. Như vậy, tổng số tiền liên quan đến việc lo vụ án cho ông Tr của 02 tờ giấy trên là 135.000.000 đồng + 15.000.000 đồng = 150.000.000 đồng, phù hợp với lời khai của bà V, ông Tr và bị cáo T. Do đó, có cơ sở xác định giấy mượn tiền ngày 17-9-2017(AL) và ngày 12-5-2018 này là chứng cứ trực tiếp mang dấu hiệu tội phạm. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa tiến hành đối chất, giám định chữ ký, chữ viết tên Đặng Thị V tại 02 tờ giấy này để làm căn cứ xử lý vụ án, mà cấp phúc thẩm không khắc phục được.

[4.3] Đối với 08 tờ giấy mượn tiền còn lại đều có thời hạn hoàn trả cho bà V từ 03 ngày đến 05 tháng, có khoản tiền sẽ hoàn trả sớm nhất và phần góc trái phía dưới của 08 giấy mượn tiền đều có hàng chữ viết *“người cho mượn tiền”*, chữ ký và ghi Đặng Thị V. Có sự khác biệt giữa 08 giấy mượn tiền này và 02 giấy mượn tiền trên nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ.

[4.4] Tại cấp phúc thẩm, bà Đặng Thị V và bị cáo T xác định tiền lo cho Tr là 150.000.000đồng còn lại tất cả là tiền mượn. Quá trình chuẩn bị xét xử bà V liên tục có 03 đơn xin xem xét giảm nhẹ cho bị cáo T, cụ thể: Ngày 21-5-2020, bà V có *“Đơn rút đơn tố cáo”* và *“Đơn xin giảm án”* cho bị cáo; Ngày 15-6-2020, bà V có *“Đơn xin giảm án”* cho bị cáo T. Đến ngày 22-6-2020, bảy ngày sau bà V lại có đơn rút lại toàn bộ 03 đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo T với lý do: bị cáo T năn nỉ yêu cầu bà V viết, đọc sao bà V ghi vậy, do đó 03 đơn trên không hợp lệ.

[4.5] Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm lần 2 ngày 7-7-2020, bà V đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Tâm tham gia tố tụng về phần dân sự (bồi thường thiệt hại) vì lý do bệnh, sức khỏe yếu.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, lời trình bày của bà V, bị cáo có thay đổi, quá trình điều tra thu thập chứng cứ chưa đầy đủ theo đơn tố cáo ngày 06-6-2019 của bà Đặng Thị V, chưa tiến hành đối chất, giám định về chữ ký, chữ viết

của bị hại mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được tại phiên tòa. Do đó, cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

Do hủy bản án sơ thẩm nên không xem xét kháng cáo xin giảm án và xin hưởng án treo của bị cáo T.

Về án phí: Bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1/. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b, c khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số: 02/2020/HS-ST ngày 06-02-2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án về Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh để điều tra lại theo thủ tục chung.

2/. Án phí: Bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- Vụ Giám đốc kiểm tra TANDTC (Vụ1)
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Công an thị xã Hòa Thành
- Phòng PV 06
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh.
- TAND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu THS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Thị Thanh Giang